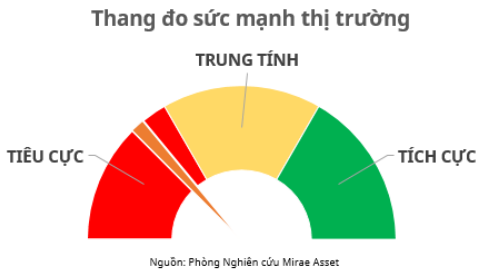


16 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,299.31	-3.55	-4.22	48.18
HNX	307.76	0.34	-1.88	166.26
UPCOM	85.33	-2.02	-3.93	49.62
MSCI EM	1,348.48	2.30	-1.57	28.93
NIKKEI	28,003.08	0.22	-4.40	22.98
HANG SENG	28,004.68	2.41	-1.52	12.15
KOSPI	3,276.91	1.83	-0.05	50.06
FTSE	7,038.02	-1.18	-2.04	12.60
S&P 500	4,360.03	0.91	3.23	35.59
NASDAQ	14,543.13	-0.11	3.59	38.85

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.87	2.64	14.97
SET INDEX	29.42	1.68	5.97
JCI INDEX	N/A	2.06	-7.29
PCOMP INDEX	28.62	1.64	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.05	-3	-4	-77
10 năm	2.16	-1	-3	-70

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,010	-0.08	-0.20	0.72
US\$/KRW	1,140	0.78	-2.02	5.74
US\$/JPY	110	0.03	0.54	-2.58
US\$/EUR	0.85	0.58	1.57	-3.61
US\$/GBP	0.72	0.42	1.36	-9.35
US\$/SGD	1.35	-0.24	-1.31	2.82

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	608	895	539
HNX	92	129	75
UPCOM	28	58	33

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Đà giảm suy yếu tại vùng 1.270 – 1.290 do hiện tượng tiết cung giá thấp

VN-Index đã có tuần giảm điểm thứ 2 liên tiếp tuy nhiên diễn biến trong tuần này đã xuất hiện tín hiệu lạc quan hơn. Khởi đầu tuần mới trong trạng thái giảm điểm, VN-Index đã rơi về gần vùng 1.270, chỉ số đã có tổng cộng 4/5 phiên dao động quanh vùng 1.270 – 1.290 để chinh phục vượt ngưỡng này trong phiên ngày thứ 5 (15/07). VN-Index tiếp tục tăng trong phiên cuối tuần và chốt tuần tại 1.299, so với tuần trước, chỉ số đã giảm 47,83 điểm (-3,5%).

Mức giảm hơn 47 điểm trong tuần của VN-Index chịu ảnh hưởng chính bởi nhóm cổ phiếu ngân hàng. Nhóm này chiếm đến 7/10 vị trí ảnh hưởng tiêu cực nhất đến chỉ số, tổng cộng nhóm này đã làm VN-Index giảm gần 27 điểm. Chiều tăng điểm được dẫn dắt bởi MSN và NVL với mức ảnh hưởng khiêm tốn hơn rất nhiều, lần lượt là +1,2 và +0,4 điểm cho VN-Index.

Khối ngoại có tuần mua ròng thứ 2 liên tiếp với giá trị trên 2.300 tỷ đồng, HPG là cổ phiếu được mua ròng mạnh nhất trong tuần với giá trị hơn 550 tỷ đồng, STB xếp thứ 2 với giá trị mua ròng 471 tỷ đồng và vị trí thứ 3 thuộc về SSI với giá trị 471 tỷ đồng. Diễn biến mua ròng của khối này trong tuần được hỗ trợ nhiều từ hoạt động mua vào của các quỹ ETF, trong đó đáng chú ý là quỹ Fubon khi trong phiên 15/07, quỹ này hút ròng 800 tỷ đồng. Chiều bán ròng, VIC dẫn đầu danh sách bán ròng với giá trị 209 tỷ đồng.

Sau nhịp giảm 160 điểm (1.424 về 1.264) trong 2 tuần, VN-Index đang có dấu hiệu cân bằng tại vùng 1.270 – 1.290. Chỉ số đã có tổng cộng 4 phiên để kiểm định ngưỡng hỗ trợ này và thành công bút phá trong phiên cuối tuần. Chúng tôi nhận thấy khả năng VN-Index sẽ có nhịp hồi phục trong tuần sau và ngưỡng kháng cự ngắn hạn sẽ là chỉ báo MA 10 ngày (1.330). Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-4 (TIÊU CỰC)**.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-6	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 7.340 tỷ đồng, đạt 91,8% tổng khối lượng phát hành lần đầu và bổ sung. Tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu tiếp tục cải thiện lên mức 3,5 lần từ mức 3 lần của tuần trước. Kỳ hạn 7 năm đã phát hành thành công 700/ 1.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 1,32% (-4bps); Kỳ hạn 10 năm tiếp tục phát hành thành công toàn bộ 4.500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,15% (-2bps); Kỳ hạn 15 năm cũng có phát hành thành công 100% 2.000 tỷ đồng trái phiếu tại mức lợi suất 2,43% (-1bps) và kỳ hạn 20 năm phát hành thành công 140/ 500 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,91% (+0bps).
- Tuần sau vào ngày 21/07 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 30 năm có giá trị 1.500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 07/07 – 14/07, lãi suất có sự phân hóa tại các kỳ hạn. Ở chiều tăng, các mức lãi suất kỳ hạn O/N, 1 tuần, 1 tháng lần lượt ghi nhận các mức 0,92% (+2bps), 1,11% (+1bps) và 1,61% (+18bps). Chiều ngược lại, các kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng ghi nhận các mức lãi suất lần lượt 1,74% (-21bps) và 2,43% (-10bps).
- Tỷ giá VND/USD tại ngày 16/07/21 của NHNN đã giảm 0,039% so với cuối tuần trước, về mức 23.192 VND/USD. Tuy nhiên tỷ giá NHTM ghi nhận mức tăng lần lượt 0,044% và 0,043% ở chiều mua và chiều bán lên mức 22.880 – 23.110 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã giảm 0,086% chiều mua và 0,128% chiều bán lên mức 23.300 – 23.340 VND/USD

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

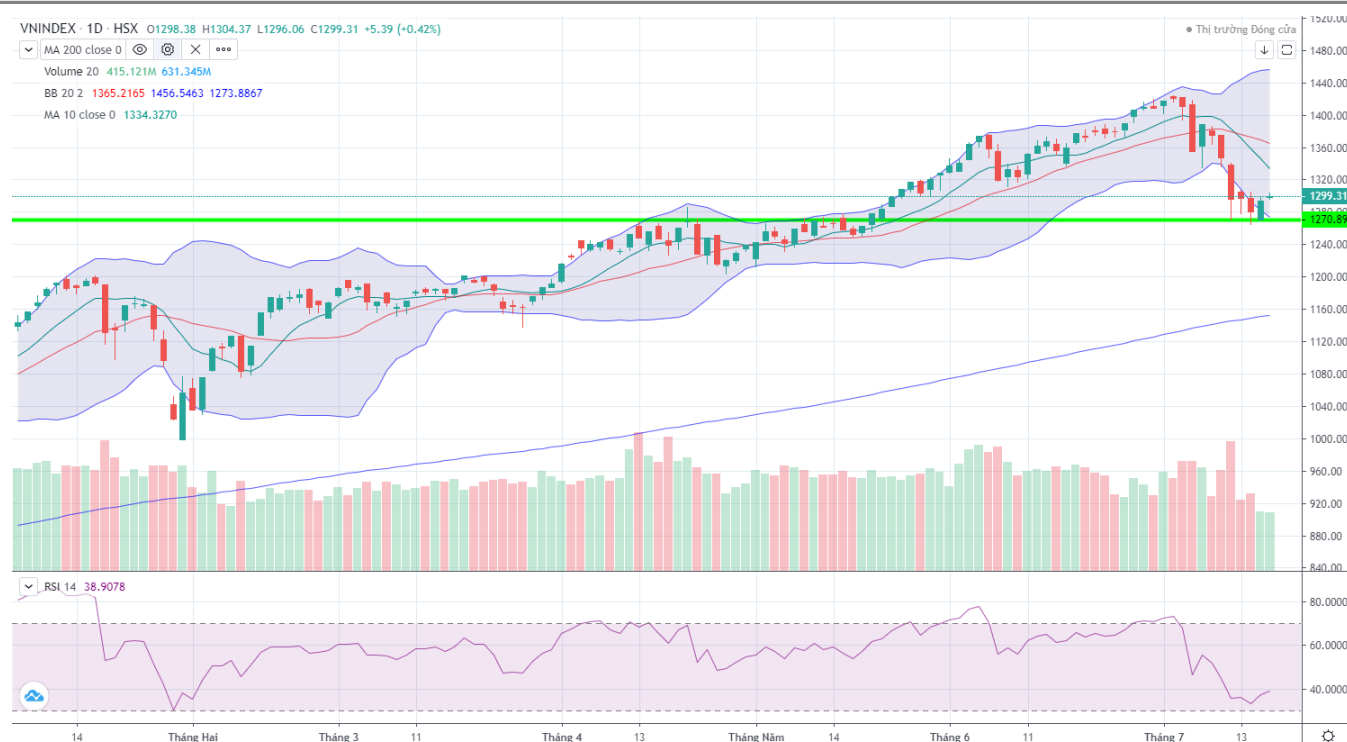
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-4	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (02/07/2021)	1,299.31	Kháng cự 1	1.350
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	1.380
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Giảm	Hỗ trợ 1	1.270
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.200

Sau nhịp giảm 160 điểm (1.424 về 1.264) trong 2 tuần, VN-Index đang có dấu hiệu cân bằng tại vùng 1.270 – 1.290. Chỉ số đã có tổng cộng 4 phiên để kiểm định ngưỡng hỗ trợ này và thành công bút phá trong phiên cuối tuần. Chúng tôi nhận thấy khả năng VN-Index sẽ có nhịp hồi phục trong tuần sau và ngưỡng kháng cự ngắn hạn sẽ là chỉ báo MA 10 ngày (1.330). Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **-4 (TIÊU CỰC)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

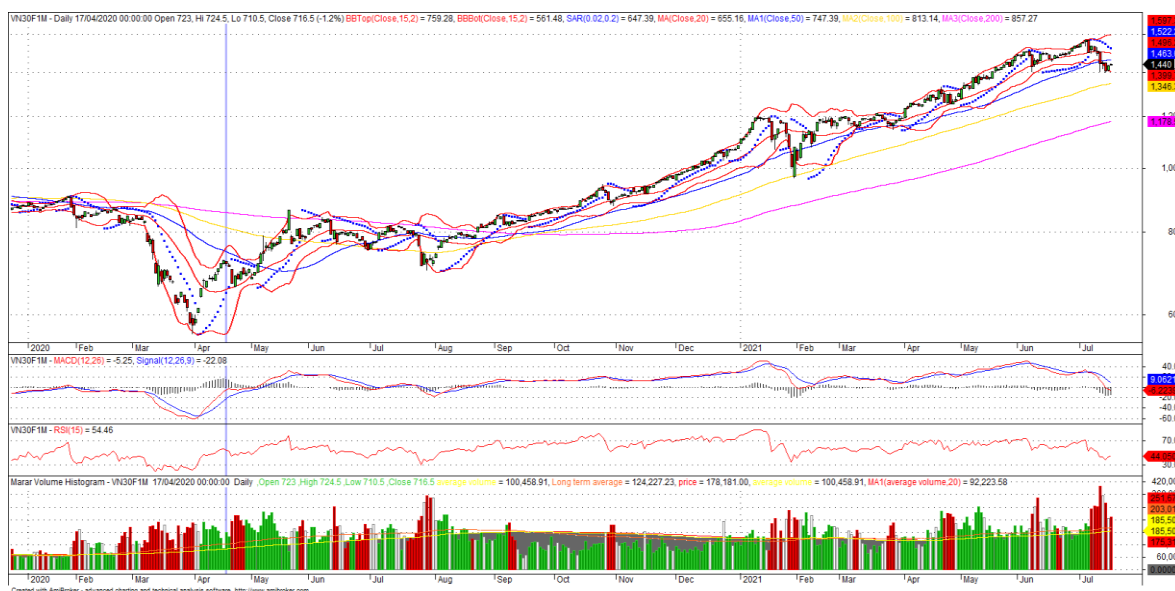
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/07/2021)	1,440	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.520
VN30 – đóng cửa	1.438	Hỗ trợ 1	1.480
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+2.5	Hỗ trợ 2	1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-4	TIÊU CỰC

VN30F1M có sự phục hồi tích cực sau khi về những ngưỡng hỗ trợ mạnh, chúng tôi cho rằng xu hướng phục hồi sẽ tiếp tục trong tuần sau. Vì vậy, nhà đầu tư có thể mua (LONG) cho vị thế tuần sau với chiến lược như sau

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1425
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1420
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1460

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiipro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.75	11,939,205	-4	TIÊU CỰC	4,674	11.2	1.0
ACB	33.6	9,670,710	-4	TIÊU CỰC	90,785	10.5	2.4
AGR	12.75	3,614,595	-4	TIÊU CỰC	2,693	22.3	1.3
ART	8.7	4,112,885	-2	TRUNG TÍNH	843	32.2	0.8
BID	42.5	3,538,135	-4	TIÊU CỰC	170,936	20.8	2.2
BSI	21.2	1,892,355	-4	TIÊU CỰC	2,577	10.3	1.7
BSR	17.9	16,432,475	-2	TRUNG TÍNH	55,499	#N/A N/A	1.8
BVH	51	1,286,630	-4	TIÊU CỰC	37,858	20.0	1.8
BVS	27.1	1,302,145	-4	TIÊU CỰC	1,957	10.4	1.0
CII	16	2,553,910	-4	TIÊU CỰC	3,822	287.6	0.8
CTG	34.65	19,221,444	-4	TIÊU CỰC	166,520	9.4	1.8
CTR	76.4	648,980	3	TRUNG TÍNH	7,099	25.4	6.7
CTS	20.7	1,918,025	-4	TIÊU CỰC	2,202	8.5	1.5
DBC	53.9	2,364,800	-2	TRUNG TÍNH	6,211	4.3	1.4
DCM	17.5	3,722,615	-2	TRUNG TÍNH	9,265	15.6	1.4
DGC	82.1	1,137,820	-4	TIÊU CỰC	14,046	14.9	3.4
DGW	130.2	354,885	-4	TIÊU CỰC	5,755	17.0	4.4
DIG	23.65	4,306,015	-2	TRUNG TÍNH	9,694	12.7	2.0
DPM	21.3	2,447,520	-2	TRUNG TÍNH	8,335	11.0	1.0
DRC	28.05	2,531,325	-2	TRUNG TÍNH	3,332	11.8	1.9
DXG	21.6	6,609,890	-6	TIÊU CỰC	11,195	#N/A N/A	1.7
E1VFN30	24.5	1,496,385	-6	TIÊU CỰC	9,244	#N/A Field	#N/A Field
FIT	14.4	8,518,260	-7	TIÊU CỰC	3,668	53.9	1.2
FLC	11.05	28,387,204	0	TRUNG TÍNH	7,845	5.7	0.8
FPT	86.8	2,831,040	-6	TIÊU CỰC	78,768	21.2	4.7
FRT	30.4	1,921,850	4	KHẢ QUAN	2,401	127.7	1.9
GAS	90	1,034,600	-6	TIÊU CỰC	172,256	22.8	3.4
GEX	21.95	6,513,280	-4	TIÊU CỰC	17,147	13.1	1.9
GMD	41.2	2,542,590	-2	TRUNG TÍNH	12,417	33.1	2.1
GVR	31.35	5,450,170	-4	TIÊU CỰC	125,400	28.7	2.6
HAH	38.4	1,541,810	7	KHẢ QUAN	1,820	11.0	1.6
HBC	13.15	4,350,530	-2	TRUNG TÍNH	3,036	34.3	0.8
HCM	47.8	6,095,360	-4	TIÊU CỰC	14,581	19.4	3.1
HDB	33.45	4,237,510	-6	TIÊU CỰC	53,312	10.8	2.2
HDC	53	942,345	1	TRUNG TÍNH	4,407	16.5	3.6
HDG	50.4	1,850,645	7	KHẢ QUAN	8,247	7.1	2.3
HHV	18.7	2,097,965	-2	TRUNG TÍNH	5,000	32.1	0.8
HNG	8.86	11,213,160	-4	TIÊU CỰC	9,822	377.4	1.1
HPG	46.75	31,800,630	-2	TRUNG TÍNH	209,109	11.5	3.2
HQC	3.22	10,845,645	-2	TRUNG TÍNH	1,535	215.3	0.4
HSG	35.5	11,556,900	-2	TRUNG TÍNH	17,362	7.2	2.1
HUT	7.6	4,224,980	0	TRUNG TÍNH	2,042	#N/A N/A	0.7
IDC	32.3	2,503,290	-2	TRUNG TÍNH	9,690	30.9	2.6
IJC	23.85	6,933,975	-2	TRUNG TÍNH	5,178	7.8	1.5
ITA	6.14	9,203,620	-2	TRUNG TÍNH	5,761	27.7	0.5
KBC	32.7	11,094,790	-4	TIÊU CỰC	15,361	20.0	1.5
KDC	61	1,552,265	-4	TIÊU CỰC	13,954	45.4	2.4
KDH	36.95	2,366,355	0	TRUNG TÍNH	23,023	19.0	2.7
LPB	27.45	7,983,415	-4	TIÊU CỰC	29,499	13.1	2.0
MBB	29.1	22,893,540	-6	TIÊU CỰC	109,949	10.9	2.1
MBS	29.5	2,675,315	-4	TIÊU CỰC	7,894	16.3	2.6
MSN	120.5	1,627,985	5	KHẢ QUAN	142,254	94.1	8.8

MWG	168.1	985,250	-2	TRUNG TÍNH	79,900	18.6	4.6
NKG	32.8	4,708,595	-4	TIÊU CỰC	5,970	4.0	1.3
NLG	37.2	2,020,880	0	TRUNG TÍNH	10,612	9.3	1.6
NVB	18.7	6,567,785	-4	TIÊU CỰC	7,607	701.0	1.8
NVL	104.6	3,644,175	-6	TIÊU CỰC	154,139	33.9	4.8
OIL	12.6	2,625,640	-4	TIÊU CỰC	13,031	#N/A N/A	1.4
ORS	23	1,524,810	-4	TIÊU CỰC	2,300	21.8	3.6
PAN	24.5	1,452,830	-2	TRUNG TÍNH	5,118	26.1	1.4
PDR	90.2	4,005,495	-4	TIÊU CỰC	43,907	33.4	8.2
PET	20.3	2,864,775	-2	TRUNG TÍNH	1,696	11.0	1.1
PHR	49.5	808,420	-2	TRUNG TÍNH	6,707	7.0	2.1
PLX	51.1	2,296,155	-2	TRUNG TÍNH	63,559	17.5	2.7
PNJ	96	686,130	-6	TIÊU CỰC	21,827	19.3	3.8
POW	10.6	9,885,755	-2	TRUNG TÍNH	24,824	10.2	0.9
PVD	19.15	6,872,540	-2	TRUNG TÍNH	8,065	124.8	0.6
PVS	24.8	12,510,850	-4	TIÊU CỰC	11,854	18.0	1.0
PVT	18.35	4,368,730	-2	TRUNG TÍNH	5,939	8.0	1.2
REE	51.9	617,010	-4	TIÊU CỰC	16,040	9.0	1.4
ROS	5.03	16,358,555	-2	TRUNG TÍNH	2,855	156.9	0.5
SBS	13	3,218,445	-4	TIÊU CỰC	1,647	1,433.3	8.0
SBT	19	3,825,140	-2	TRUNG TÍNH	11,726	16.8	1.5
SCR	9.11	8,584,410	-4	TIÊU CỰC	3,338	18.9	0.7
SHB	28.1	25,545,110	0	TRUNG TÍNH	54,108	16.0	2.1
SHS	39.9	7,063,715	-4	TIÊU CỰC	8,270	8.5	2.2
SSI	52.8	13,550,325	-4	TIÊU CỰC	34,579	19.0	3.0
STB	28.45	30,460,536	-4	TIÊU CỰC	51,314	19.0	1.7
SZC	36.75	938,625	0	TRUNG TÍNH	3,675	17.3	2.7
TCB	51.6	24,440,610	-6	TIÊU CỰC	180,853	12.7	2.3
TCH	19.2	5,107,790	-6	TIÊU CỰC	7,664	7.5	1.3
TLH	15.2	2,367,195	-4	TIÊU CỰC	1,530	20.1	1.0
TNG	20.2	2,273,195	-2	TRUNG TÍNH	1,607	10.8	1.3
TPB	33.9	4,940,820	-4	TIÊU CỰC	36,330	8.9	1.9
TTF	6.84	6,270,190	-4	TIÊU CỰC	2,129	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	102.5	1,974,180	-6	TIÊU CỰC	380,160	18.0	3.8
VCI	52.1	3,105,230	-4	TIÊU CỰC	17,349	18.3	3.5
VCS	110.9	339,875	0	TRUNG TÍNH	17,744	13.1	4.2
VG T	16.1	4,747,775	-4	TIÊU CỰC	8,050	28.2	1.3
VHC	38.4	1,622,285	-4	TIÊU CỰC	6,987	10.0	1.3
VHM	109	4,331,685	-4	TIÊU CỰC	358,557	13.8	3.9
VIB	44.85	2,082,685	-4	TIÊU CỰC	69,658	13.3	3.6
VIC	105.8	2,144,615	-2	TRUNG TÍNH	357,861	48.7	4.4
VIX	22.1	3,998,210	-4	TIÊU CỰC	2,823	4.2	1.4
VJC	115.4	656,730	-6	TIÊU CỰC	62,502	51.2	4.1
VND	40.9	6,716,510	-4	TIÊU CỰC	8,774	12.0	3.1
VNM	85.9	3,248,295	-2	TRUNG TÍNH	179,527	18.3	5.7
VPB	64.5	20,412,540	-4	TIÊU CỰC	158,331	13.9	2.8
VPI	35.15	948,225	0	TRUNG TÍNH	7,030	23.1	2.5
VRE	27.7	4,140,460	-4	TIÊU CỰC	62,943	23.6	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Giá sắt thép Châu Á tiếp tục tăng nhanh, giá thép không gỉ lên cao kỷ lục kể từ khi lên sàn giao dịch

Kết thúc phiên 14/7, giá quặng sắt hợp đồng tham chiếu - kỳ hạn tháng 9 - trên sàn Đại Liên (Trung Quốc) tăng 0,8% lên 1.219,50 nhân dân tệ (188,36 USD)/tấn, sau khi đã tăng 3,3% ở phiên liền trước.

Trên sàn Singapore, quặng sắt kỳ hạn tháng 8 giảm nhẹ 0,8% xuống 209,15 USD/tấn, sau khi tăng 1,4% ở phiên liền trước.

Nguồn cung quặng sắt hạn hẹp tiếp tục là nguyên nhân chính đẩy giá tăng lên, nhất là đối với những loại quặng sắt chất lượng cao, trong bối cảnh Chính phủ Trung Quốc thực hiện nghiêm ngặt chiến dịch kiểm soát khí thải - buộc các nhà sản xuất thép phải sử dụng những loại quặng sắt có chất lượng và thân thiện với môi trường.

Giá thép phiên này đảo chiều tăng trở lại. Thép thanh vẫn trên sàn Thượng Hải tăng 2,9%, trong khi thép cuộn cán nóng tăng 2,6%. Thép không gỉ hôm nay tăng 4,1% lên 17.965 nhân dân tệ/tấn, mức cao nhất kể từ khi giao dịch hợp đồng thép không gỉ bắt đầu trên sàn Thượng Hải, năm 2019.

Áp lực kinh tế giảm tốc, Trung Quốc loay hoay giữ thăng bằng khi đối diện với một loạt thách thức

Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc cho biết GDP nước này tăng trưởng 7,9% trong quý II so với cùng kỳ năm trước. Các chỉ số hàng tháng về sản lượng công nghiệp, doanh số bán lẻ, đầu tư tài sản cố định và tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đều đạt hoặc vượt kỳ vọng vào tháng 6. Điều này giúp Trung Quốc tiếp tục đạt được mục tiêu tăng trưởng 6% trở lên trong năm nay.

Trên cơ sở trung bình 2 năm, kinh tế Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 5,5%, cao hơn mức 5% trong quý đầu tiên của năm và gần tương đương với thời điểm trước đại dịch.

Tuy nhiên, đằng sau con số tăng trưởng mạnh mẽ là những rủi ro tiềm ẩn đối với nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới. Những yếu tố đó bao gồm: nhu cầu toàn cầu đối với hàng hóa Trung Quốc sụt giảm, đầu tư vào sản xuất và bất động sản chậm lại và mối đe dọa của những đợt tái bùng phát Covid-19 sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng trong nước.

Hơn nữa, sự hồi phục của kinh tế Trung Quốc cũng không cân bằng, khi nhu cầu trong nước sụt giảm còn yếu tố thúc đẩy lại là hoạt động sản xuất nhà máy và xuất khẩu.

Chi phí logistics tăng cao khiến nhiều ngành hàng gặp khó

Từ đầu năm đến nay, trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, chi phí logistics không ngừng leo thang. Trong khi chi phí logistics là một yếu tố cấu thành quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, khiến các doanh nghiệp (DN) đang gặp nhiều khó khăn.

Theo Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam (VPA), 6 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu hồ tiêu ước đạt 155.000 tấn, trị giá 500 triệu USD, giảm 7% về lượng song tăng 41% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Lượng xuất khẩu hồ tiêu giảm ngoài yếu tố sản lượng và ảnh hưởng của dịch Covid-19, chi phí logistics là nguyên nhân chính gây ra nhiều khó khăn và thiệt hại cho xuất khẩu của các DN.

Phản ánh từ các DN hồ tiêu cho thấy, giá cước vận chuyển đi các thị trường trọng điểm nhập khẩu hồ tiêu từ tháng 1/2021 cho tới tháng 6/2021 luôn trong chiều hướng tăng với biên độ cao và không có dấu hiệu ngừng lại. Lý do chính các hãng vận chuyển đưa ra là hệ lụy từ dịch bệnh Covid-19 dẫn đến thiếu hụt container.

"Thời gian qua, Mỹ và EU là 2 thị trường chính và là thị trường quan trọng với lượng xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam. Tuy nhiên, đây lại là 2 tuyến vận chuyển đường biển có mức tăng giá cước phi mã và bất thường nhất với mức tăng khoảng 1.500-2.000 USD cho một container 40 feet sau mỗi 2 tuần", đại diện VPA phản ánh.

Một trong những mặt hàng có giá tăng cao trong thời gian qua là phân bón, điển hình như phân DAP, Ure và Kali. Điều đáng nói là giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tăng, nhưng đầu ra cho nông sản gặp khó khăn, khiến người nông dân rơi vào cảnh sản xuất cầm cự; khó khăn chồng chất khó khăn.

Theo dự báo của ông Lưu Hoàng Ngọc, Phó Cục trưởng Cục Hóa chất (Bộ Công Thương), từ nay đến hết năm, giá phân bón sẽ tiếp tục giữ ở mức cao. “Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do hiện giá cước vận chuyển container đã tăng 5 lần so với năm trước. Trong khi đó, phân bón của Việt Nam như DAP, MAP và Ure hầu hết được vận chuyển bằng container”, ông Ngọc cho biết.

Nhiều DN hoạt động trong lĩnh vực như dệt may, đồ gỗ, chế biến nông thủy sản... cũng cho biết, chi phí logistics có sự gia tăng mạnh từ năm 2020 tới nay, chủ yếu liên quan đến cước vận tải và tình trạng thiếu container. Ở một số cảng, giá đã tăng gấp đôi so với giá mấy tháng trước và gần gấp 6 lần so với giá đầu năm 2020.

Quý tỷ do Dragon Capital quản lý tăng mạnh tỷ trọng tiền ngay trước nhịp điều chỉnh sâu của thị trường

Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL), quỹ lớn nhất do Dragon Capital quản lý vừa công bố báo cáo hoạt động với nhiều điểm đáng chú ý.

Tại ngày 8/7/2021, quy mô danh mục VEIL đạt gần 2,52 tỷ USD, trong đó tỷ trọng tiền mặt quỹ lên tới 5,51%, tương ứng 138,6 triệu USD. Đây là tỷ trọng tiền cao nhất của VEIL kể từ tháng 5/2020 tới nay. Trong tuần trước đó (1/7/2021), tỷ trọng tiền trong danh mục VEIL chỉ là 1,57%, tương ứng 40,2 triệu USD.

Như vậy, việc gia tăng tỷ trọng tiền trong danh mục của VEIL diễn ra ngay trước thời điểm TTCK Việt Nam có cú điều chỉnh mạnh nhất từ đầu năm tới nay. Ngày 2/7, VN-Index có lúc lên mốc 1.424,28 điểm, cao nhất trong lịch sử và từ đó liên tiếp điều chỉnh và có lúc về vùng 1.265 điểm chỉ trong ít ngày.

Xuất khẩu cá tra tăng mạnh nhưng người nuôi cá và doanh nghiệp đều... không vui

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sau giai đoạn sụt giảm giá trị vào năm ngoái và quý I/2021, xuất khẩu cá tra đã tăng trưởng mạnh liên tiếp trong những tháng gần đây.

Cụ thể, giá trị xuất khẩu cá tra tăng 39% trong tháng 5/2021, tiếp tục tăng 35% trong tháng 6/2021 so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế nửa đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu cá tra đạt 788 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2020.

Tuy nhiên hiệu ứng domino từ việc tăng giá thức ăn đang phủ bóng đen lên ngành cá tra, khiến cá người nuôi cá, và doanh nghiệp chế biến cá tra xuất khẩu đang phải chịu thua lỗ nặng nề. Tất thảy đều phải đang “cầm cự” chờ qua cơn sóng gió. Vì vậy, con số tăng trưởng xuất khẩu 18% trong nửa đầu năm nay, không phải là tín hiệu vui cho ngành cá tra.

Theo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, giá cá tra nguyên liệu bán tại ao đầm của người nuôi đã tăng mạnh từ tháng 5/2021 đến nay, hiện ở mức 21.500 – 22.000 đồng/kg, tăng 3.500 đ/kg so với cùng thời điểm này năm ngoái.

Mặc dù giá cá tra có tăng, nhưng người nuôi cá vẫn lỗ từ 1.000 - 2.000 đồng/kg. Trái ngược với việc cá thương phẩm xuất bán hiện cung không đủ cầu, thì giá cá giống lại đang giảm mạnh, do nhiều chủ đầm để trống ao, không muốn bắt con giống đưa vào nuôi. Đồng bằng sông Cửu Long là vùng thâm canh cá tra lớn nhất cả nước, bình quân chiếm khoảng 80% diện tích và sản lượng xuất khẩu.

'Ông lớn' Vietcombank và nhiều ngân hàng tư nhân đồng loạt hạ lãi suất cho vay

Hôm nay (16/7), tiếp tục có thêm nhiều nhà băng thông báo hạ lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Cụ thể, từ ngày 15/7 đến hết năm 2021, đối với khách hàng doanh nghiệp, Vietcombank sẽ giảm lãi suất 1%/năm cho các khách hàng thuộc 9 ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh. Đồng thời, giảm lãi suất tới 1%/năm cho các khách hàng còn lại.

Mới đây, TPBank cũng đã xây dựng các chương trình, các gói miễn giảm lãi suất cho khách hàng trong 6 tháng cuối năm với tổng số dư nợ hỗ trợ ước tính gần 45.000 tỷ đồng.

Cụ thể, TPBank sẽ giảm lãi suất từ 0,5% - 1,2%/năm cho các khách hàng doanh nghiệp hoạt động gặp khó khăn bởi dịch bệnh COVID-19.

Trước đó, Sacombank, ACB và Agribank đã tiên phong điều chỉnh giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do dịch bệnh. Mức giảm dao động từ 0,5 đến 1 điểm % tùy thuộc vào khoản vay và kỳ hạn.

Giá dầu tăng cao, PVN ước lãi 6 tháng tăng gấp 3 lần cùng kỳ đạt 21.300 tỷ đồng

Tại cuộc họp giao ban trực tuyến định kỳ ngày 7/7, lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) thông báo lũy kế 6 tháng đầu năm, tổng doanh thu đạt 299.300 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch 6 tháng và tăng 22% so với cùng kỳ 2020. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 21.300 tỷ đồng, vượt 165% kế hoạch 6 tháng và tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ 2020.

Lãnh đạo tập đoàn cho biết nhờ tận dụng cơ hội từ sự phục hồi của kinh tế thế giới và giá dầu tích cực, PVN đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu nhiệm vụ chính được giao. Giá dầu thô bình quân 6 tháng đầu năm 2021 là 66,8 USD/thùng, vượt 48% giá kế hoạch. Trong đó, sản lượng khai thác dầu hoàn thành kế hoạch 6 tháng ngay trong tháng 5. Tính chung 6 tháng, sản lượng dầu thô, condensate vượt 15% so với kế hoạch, góp phần hoàn thành kế hoạch sản lượng khai thác quy dầu 6 tháng đạt 9,68 triệu tấn. Công tác sản xuất xăng dầu, phân đạm cũng vượt kế hoạch được giao.

Bên cạnh đó, PVN cũng triển khai tích cực công tác tối ưu, tiết giảm chi phí. Tổng chi phí tiết giảm ước đạt 1.691,6 tỷ đồng, bằng 62% kế hoạch tiết giảm của năm 2021 và đóng góp quan trọng vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của tập đoàn.

Sonadezi Châu Đức lãi kỷ lục quý II, vượt 7% kế hoạch năm sau 6 tháng

Theo BCTC quý II, Sonadezi Châu Đức (HoSE: SZC) ghi nhận doanh thu tăng 47% lên 225 tỷ đồng, giá vốn tăng 17% lên 75 tỷ đồng. Biên lãi gộp cải thiện từ 58,4% lên 66,8%. Lợi nhuận gộp tăng 68% đạt 150 tỷ đồng.

Doanh thu tài chính giảm từ 8,4 tỷ về 2 tỷ đồng, chi phí quản lý tăng 184% lên 20 tỷ đồng. Do vậy, lãi sau thuế của Sonadezi Châu Đức còn tăng 52%, ghi nhận mức 109 tỷ đồng – là mức kỷ lục mới đạt được trong 1 quý.

Lũy kế 6 tháng, doanh nghiệp khu công nghiệp báo cáo doanh thu thuần đạt 403 tỷ đồng, tăng 47%; lãi sau thuế 189 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ năm trước và vượt qua con số đạt được cả năm 2020.

Trong năm 2021, lãnh đạo doanh nghiệp đặt mục tiêu hoàn thiện đầu tư dự án sân Golf Châu Đức và khu dân cư Sonadezi Hữu Phước để đi vào vận hành, kinh doanh. Kế hoạch kinh doanh gồm doanh thu 584 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 176 tỷ đồng. Đơn vị đã vượt 7% kế hoạch lợi nhuận năm.

Phát Đạt ước lãi trước thuế 637 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2021

Thông tin từ CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (Mã: PDR), doanh nghiệp ước tính lãi trước thuế 322 tỷ trong quý II/2021, gấp hơn 2 lần cùng kỳ.

Trong quý, Phát Đạt đã đẩy nhanh tiến độ bàn giao và ghi nhận kết quả kinh doanh từ một phần khu thấp tầng của Phân khu số 9 và một phần khu cao tầng của Phân khu số 4 tại Khu du lịch sinh thái Nhơn Hội - Bình Định.

Bên cạnh đó, Phát Đạt đã tiến hành giảm các khoản nợ vay trong quý, ước tính nợ vay của doanh nghiệp giảm về 1.260 tỷ đồng, giảm khoảng 42% so với thời điểm đầu năm. Đồng thời, Phát Đạt có kế hoạch huy động thêm các nguồn vốn vay mới với chi phí vốn phù hợp và sẵn sàng tăng nợ vay dài hạn để tài trợ phát triển các dự án.

Lũy kế 6 tháng đầu năm, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp ước đạt 637 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng 82%.

KCN Quang Châu của Kinh Bắc tăng diện tích lên 516 ha

UBND tỉnh Bắc Giang vừa có quyết định phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng điều chỉnh, mở rộng Khu công nghiệp (KCN) Quang Châu, huyện Việt Yên (tỷ lệ 1/2.000).

Theo đó, khu vực nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính của xã Quang Châu, xã Vân Trung và thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên.

Ranh giới được giới hạn phía Bắc giáp đất nông nghiệp thôn Vân Cốc, xã Vân Trung; phía Nam giáp thôn Đông Tiến, Nam Ngạn, xã Quang Châu; phía Đông giáp thôn Quang Biểu, xã Quang Châu và thôn Trung Đồng, xã Vân Trung; phía Tây giáp tuyến Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn.

Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 516 ha, trong đó phần diện tích đang thực hiện khoảng 426 ha, phần diện tích mở rộng khoảng 90 ha.

Gelex tiếp tục bán 5,4 triệu cổ phiếu chưa phân phối với giá 16.000 đồng/cp

Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam (Gelex, HoSE: GEX) vừa thông báo kết quả chào bán gần 293 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Hơn 287,5 triệu cổ phiếu đã phân phối với giá chào bán 12.000 đồng/cp đã mang lại dòng tiền khoảng 3.450,5 tỷ đồng cho doanh nghiệp. Toàn bộ số cổ phiếu này không bị hạn chế chuyển nhượng.

Hơn 5,4 triệu cổ phiếu còn lại không đặt mua hết, Gelex dự kiến tiếp tục bán với giá 16.000 đồng cho các nhà đầu tư đủ năng lực tài chính để nộp tiền mua cổ phiếu đúng thời hạn và chấp thuận điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu trong 1 năm. Thời gian nộp tiền trước 15h ngày 16/7. Với giá chào bán mới cho lượng cổ phiếu chưa phân phối hết, tổng giá trị huy động dự kiến gần 3.537 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch ban đầu là 3.515 tỷ đồng.

Vào cuối tháng 5, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận chào bán thêm 292,95 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Gelex. Tỷ lệ thực hiện là 10:6, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được mua thêm 6 cổ phiếu mới. Mức giá chào bán là 12.000 đồng/cổ phiếu.

Viettel Construction (CTR) ước lãi trước thuế quý 2 tăng trưởng 73% so với cùng kỳ 2020

Theo tin từ Tổng CTCP Công trình Viettel – Viettel Construction (Mã CK: CTR), trong 6 tháng đầu năm 2021, Viettel Construction ước đạt doanh thu 3.553 tỷ đồng, tăng 32% và lợi nhuận trước thuế 193 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, doanh thu ngoài tập đoàn của Viettel Construction trong 6 tháng đầu năm đạt 785,6 tỷ đồng, chiếm 22,11% tỷ trọng doanh thu. Cùng kỳ năm trước, doanh thu ngoài tập đoàn của Viettel Constructin chỉ đạt 225 tỷ đồng, chiếm 8,34% tổng doanh thu.

Tính riêng quý 2/2021, Viettel Construction ước đạt doanh thu 1.803 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 102,9 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 38% và 73% so với cùng kỳ năm trước.

Về các mảng kinh doanh trong 6 tháng đầu năm, lĩnh vực Vận hành khai thác ước đạt doanh thu 2.164,4 tỷ đồng, tăng trưởng 21,1% so với cùng kỳ năm 2020.

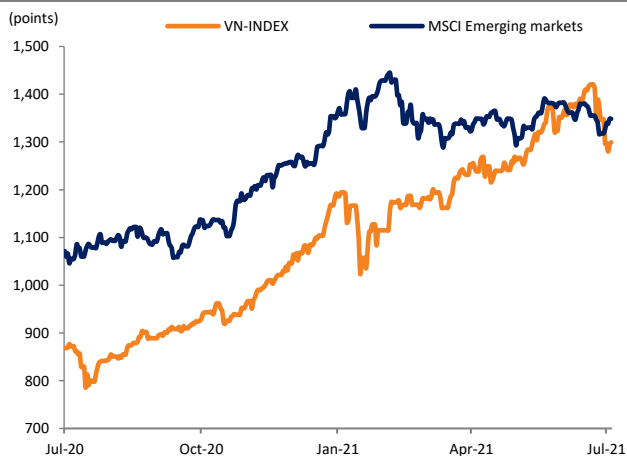
Đáng chú ý, lĩnh vực Đầu tư Hạ tầng cho thuê của Viettel Construction bứt phá mạnh, đạt doanh thu 91,2 tỷ đồng, tăng trưởng 515,9% so với cùng kỳ năm 2020, lũy kế đạt 45,6% kế hoạch năm 2021.

Riêng trong quý 2, Viettel Construction đã đầu tư xây dựng gần 500 trạm BTS, nâng lũy kế số trạm sở hữu hiện lên 1.234 trạm. Trong năm 2021, Viettel Construction đặt kế hoạch hoàn thành triển khai mới 2.102 trạm BTS và công ty cho biết sẽ nỗ lực hoàn thành mục tiêu trong nửa cuối năm. Ngoài trạm BTS, Viettel Construction hiện sở hữu 2.600km cáp quang treo, 4 tuyến cống bê tông, phủ sóng di động tòa nhà với gần 3 triệu m² và 47 hệ năng lượng mặt trời công suất 17,7MWp.

Bản tin thị trường

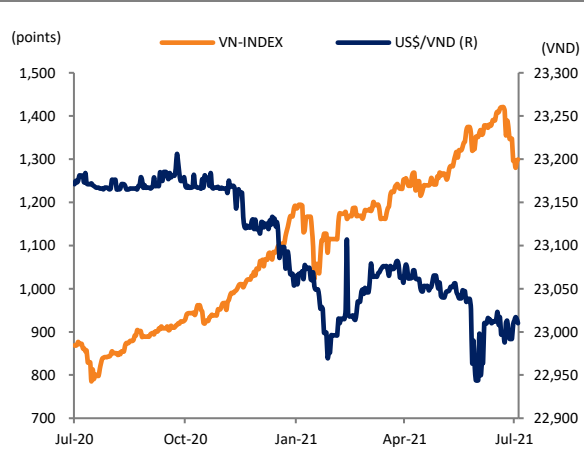
Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



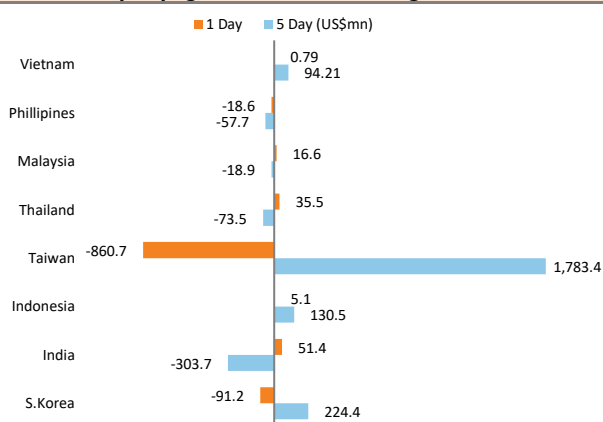
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



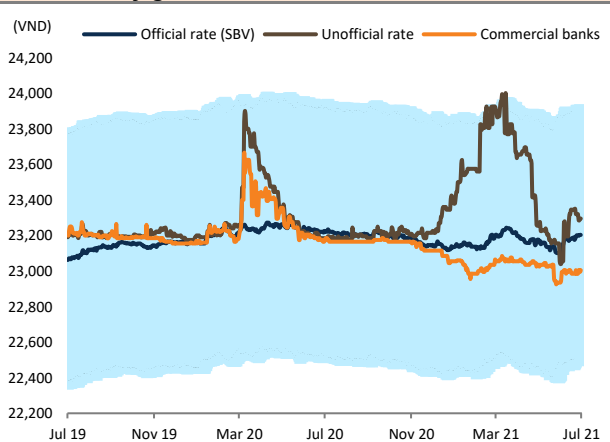
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



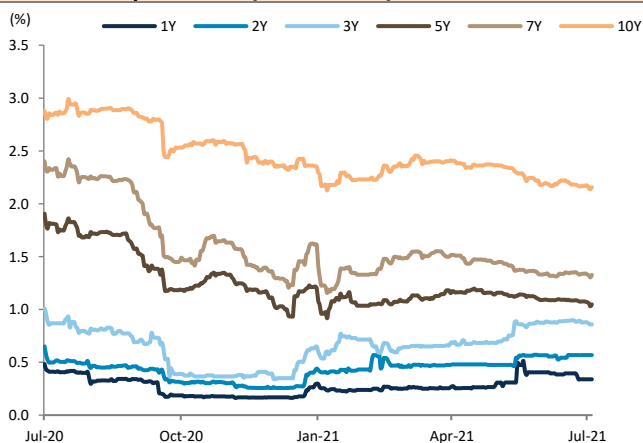
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



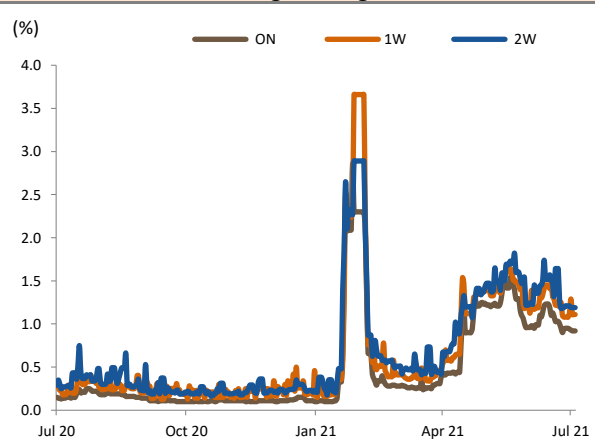
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,438.05	3,433,091		0.5	-3.8	-1.9	75.4	14.0	12.1	2.6	2.2	14.8	16.0	23.5	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,500	170,936	16.7	-0.5	-5.3	-6.2	2.8	18.1	13.2	1.9	1.6	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	51,000	37,858	26.9	1.0	-4.0	-15.4	6.3	22.1	19.6	1.8	1.7	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	34,650	166,520	24.7	-1.0	-7.8	-11.4	85.6	8.9	7.8	1.7	1.4	36.9	14.1	20.1	19.6
CTCP FPT	FPT VN	86,800	78,768	49.0	1.6	-3.2	4.5	105.4	19.7	16.2	4.3	3.8	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,000	172,256	2.8	-0.6	-1.9	-2.1	24.7	17.0	15.5	3.2	3.0	31.2	9.9	20.0	20.4
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	33,450	53,312	18.0	0.8	-4.4	-1.0	102.9	9.7	8.1	1.8	1.5	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,750	209,109	26.7	0.5	-1.2	-9.7	164.8	7.5	7.1	2.3	1.8	117.7	6.0	42.3	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,950	23,023	33.2	1.7	1.0	0.1	68.4	19.1	14.1	2.5	2.1	3.2	35.2	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	29,100	109,949	21.8	-0.7	-6.1	1.5	160.5	10.3	8.8	1.9	1.5	28.6	17.1	21.4	20.8
Tập đoàn Masan	MSN VN	120,500	142,254	33.3	4.8	3.1	15.6	111.4	51.3	29.7	6.9	5.6	123.0	72.3	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	168,100	79,900	49.0	0.6	-4.8	22.7	98.2	15.4	12.8	4.0	3.2	25.9	20.2	26.7	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,600	154,139	9.2	0.6	1.1	1.1	131.1	28.3	31.1	4.5	4.4	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	90,200	43,907	4.1	3.4	-4.4	-2.0	374.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,100	63,559	17.3	0.4	0.6	-8.8	9.1	18.8	15.6	2.6	2.6	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	96,000	21,827	49.0	0.9	-9.0	0.9	58.7	16.4	13.0	3.5	2.9	35.5	26.7	24.1	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,600	24,824	3.0	-0.9	-1.9	-12.0	5.0	12.1	10.7	0.8	0.8	-12.6	13.6	7.1	7.7
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,900	16,040	49.0	1.4	-1.9	-8.8	56.8	8.9	7.2	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,000	11,726	8.7	1.6	5.0	-10.0	25.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	52,800	34,579	48.1	-1.7	0.4	6.9	218.1	26.3	21.4	3.9	3.6	2.3	23.0	14.1	14.5
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,450	51,314	13.9	-1.2	-2.2	-2.6	145.3	24.4	16.7	1.7	1.5	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	51,600	180,853	22.5	-1.0	-8.8	1.8	145.7	11.1	9.5	2.0	1.7	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	19,200	7,664	13.6	0.3	-4.0	-14.7	-12.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	33,900	36,330	30.0	0.6	-8.4	-4.8	87.4	7.9	6.7	1.6	1.3	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	102,500	380,160	23.6	0.0	-6.6	-1.4	22.8	16.6	14.0	3.2	2.7	38.0	18.4	22.2	21.5
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	109,000	358,557	23.2	-1.2	-3.1	-0.9	33.7	11.6	10.3	3.1	2.5	13.2	12.1	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	105,800	357,861	15.8	3.7	-2.6	-11.2	13.8	61.1	56.7	4.0	3.7	2.4	7.8	6.8	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	115,400	62,502	18.4	0.5	-2.9	-0.9	3.0	153.9	23.6	3.4	2.8	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	85,900	179,527	55.1	0.8	-1.3	-6.4	-12.3	17.5	16.4	5.4	5.1	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	64,500	158,331	15.4	0.8	-6.3	-3.4	185.4	11.4	10.8	2.1	1.8	32.5	5.2	25.5	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,700	62,943	30.6	-1.1	-1.1	-15.5	1.5	22.5	18.3	2.0	1.8	17.5	22.7	8.8	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-47.83	4,859,113	0.4	-3.6	-4.2	48.2	15.6	13.1	2.5	2.2	14.6	19.4	20.1	19.0
Ô tô và phụ tùng	0.01	8,066	1.4	0.5	-5.0	43.8	6.1	5.6	1.2	1.1	34.6	9.8	12.4	12.0
Ngân hàng	-31.80	1,641,989	-0.1	-6.5	-3.0	68.8	13.5	10.9	2.2	1.8	33.9	20.3	19.5	18.7
Xây dựng cơ bản	-0.61	168,790	0.2	-1.1	-6.6	53.9	6.3	4.7	0.4	0.3	11.9	26.9	7.5	7.9
Dịch vụ thương mại	0.00	4,575	1.1	0.0	2.6	10.9	7.3	5.7	NA	NA	18.8	27.9	10.2	12.3
May mặc và trang sức	-0.77	43,243	0.3	-6.0	-0.7	126.3	12.9	10.4	2.5	2.1	41.4	22.0	18.1	18.1
Dịch vụ tiêu dùng	-0.05	7,949	0.1	-1.9	-4.0	15.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-0.67	90,126	-1.5	-2.5	3.2	210.2	16.5	13.1	2.7	2.4	22.0	26.0	13.3	14.0
Năng lượng	0.23	80,450	0.1	1.1	-9.6	22.7	19.7	14.7	2.2	2.2	NA	31.4	13.6	14.6
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.21	515,363	1.4	-0.1	-0.8	27.1	25.5	18.4	4.7	4.2	44.4	30.1	20.6	21.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	763	-1.4	-5.5	-21.2	1.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,827	0.7	0.5	-1.7	0.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.45	45,839	1.0	-3.5	-13.0	12.3	19.6	17.2	1.6	1.5	11.7	14.0	7.7	8.3
Nguyên vật liệu	-1.52	465,917	1.1	-1.2	-6.8	143.8	43.5	12.3	1.9	1.0	93.1	-3.0	26.4	19.0
Giải trí và truyền thông	-0.02	1,338	0.7	-4.7	-11.7	-27.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.14	35,048	0.7	-0.2	-14.3	34.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-9.01	1,164,360	-0.3	-1.5	-4.4	22.6	8.6	7.4	1.4	1.0	10.3	14.1	9.1	9.6
Bán lẻ	-1.04	88,679	0.8	-2.6	-6.1	57.1	27.9	26.1	3.0	2.6	12.3	18.6	15.4	14.3
Phần mềm và dịch vụ	-0.75	83,093	0.6	-4.1	20.8	91.6	14.5	12.0	3.6	2.9	37.7	18.4	24.3	24.7
Thiết bị và phần cứng	-0.18	5,755	1.6	-3.2	4.2	102.3	18.7	15.3	4.1	3.6	29.9	19.3	24.3	25.0
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,695	-1.7	-10.1	3.3	204.2	13.8	11.8	3.6	2.9	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	-0.62	157,975	-0.9	-0.9	13.9	288.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-1.02	252,937	0.8	-1.3	-2.3	23.9	64.0	11.8	24.0	1.3	NA	NA	-67.7	21.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	120,500	3.1	1,617,680	1.2
NVL VN	104,600	1.1	2,612,760	0.4
HDG VN	50,400	10.0	2,750,940	0.2
SBT VN	19,000	5.0	3,934,000	0.2
SJS VN	61,500	8.3	229,180	0.1
LGC VN	53,400	5.1	1,300	0.1
BWE VN	36,900	7.4	316,200	0.1
VCG VN	43,900	2.1	472,080	0.1
VCF VN	249,800	7.0	280	0.1
PLX VN	51,100	0.6	1,426,820	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	102,500	-6.6	2,076,860	-7.3
TCB VN	51,600	-8.8	29,212,240	-4.7
CTG VN	34,650	-7.8	16,178,180	-3.8
VIB VN	44,850	-14.4	2,682,860	-3.2
VHM VN	109,000	-3.1	4,125,600	-3.1
BCM VN	43,100	-19.4	97,260	-2.9
VPB VN	64,500	-6.3	19,160,460	-2.9
BID VN	42,500	-5.3	2,600,560	-2.6
VIC VN	105,800	-2.6	2,509,320	-2.6
MBB VN	29,100	-6.1	18,899,860	-1.9

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.